Phụ lục số 01
MẪU VĂN BẢN NIÊM YẾT GIÁ

TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
CÔNG TY HOA TIÊU HÀNG HẢI
KHU VỰC IX

Số: 148/CTHTHHKV IX-KTTC
V/v Niêm yết giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 24 tháng 4 năm 2020

Kính gửi: - Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cục quản lý giá - Bộ Tài chính.

Thực hiện Nghị định 146/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 của Chính phủ về Quy định việc niêm yết giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa container bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam;

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX gửi đăng ký thông tin niêm yết giá và bảng niêm yết hàng hóa, dịch vụ (có bảng kê khai niêm yết đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/5/2020.

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải khu vực IX xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã niêm yết./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch Cty (để b/c);
- Kiểm soát viên Cty;
- Lưu: VT, KTTC.

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3500997973 C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX TP. VŨNG TÀU T. BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Phan Minh Tuấn

- Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX
- Địa chỉ giao dịch: 279 đường 3/2, phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Số điện thoại liên lạc: (0254)3527.118; (0913828986 Mộng Hằng); (0907070714 Minh Tuấn)
- Fax: (0254)3527111; (0254)3527121
- Email: monghang_vt07@yahoo.com.vn;
- Họ và tên người nộp văn bản: Nguyễn Thị Mộng Hằng
- Điện thoại liên hệ: 0913828986

TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
CÔNG TY HOA TIÊU HÀNG HẢI
KHU VỰC IX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 24 tháng 4 năm 2020

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo Văn bản số: 148 ngày 24 /04/2020 của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải khu vực IX)

1. Mức giá kê khai (nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ):

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành	Mức giá kê khai mới	Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm	Ghi chú
1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa (giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)	Tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2015 GCN: số 181228.QMS.CN 18	Đồng/GT/ HL	38,5	38,5	không	không	
		Tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2015 GCN: số 181228.QMS.CN 18	Đồng/GT	165,00	165,00	không	không	
2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế (giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)	Tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2015 GCN: số 181228.QMS.CN 18	USD/GT	0,033	0,033	không	không	

2. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá dịch vụ thực hiện niêm yết giá.

Ngày 01/01/2017 Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX thực hiện giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo Quyết định số 3946/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2016 của Bộ Giao thông vận tải Ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu và dịch vụ sư dụng cầu, bến, phao neo tại cảng biển Việt Nam.

Ngày 01/01/2019 Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX thực hiện theo Thông tư số 54/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải Ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến,

phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam (Kê khai lần 2 do có sự thay đổi giá)

Ngày 01/5/2020 Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX thực hiện kê khai giá theo Công văn số 1298/CHHVN-VTDVHH ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Cục Hàng hải Việt Nam về việc giảm giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp vận tải biển trong thời gian dịch bệnh Covid-19 nên có tác động làm giảm giá dịch vụ thực hiện kê khai giá (Kê khai lần thứ 3).

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX thực hiện kê khai lần thứ 3 vì có tác động làm giảm giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải.

3. Các chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng:

3.1. Các trường hợp được ưu đãi, giảm giá (theo Công văn số 1298/CHHVN-VTDVHH ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Cục Hàng hải Việt Nam)

- Đối tượng: Tàu thuyền mang quốc tịch Việt Nam hoạt động tuyến nội địa (bao gồm cả tàu biển và phương tiện VR-SB).

- Mức giảm giá dịch vụ: giảm giá dịch vụ hoa tiêu đến mức giá tối thiểu trong khung giá dịch vụ quy định tại mục 5 khoản 1 Điều 8 Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải.

- Thời gian thực hiện giảm giá: 03 tháng từ ngày 01/5/2020 đến hết ngày 31/7/2020. Sau thời gian này áp dụng mức giá tối đa trong khung giá dịch vụ quy định tại mục 5 khoản 1 Điều 8 Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải.

3.2. Các trường hợp còn lại áp dụng mức giá tối đa trong khung giá dịch vụ quy định tại mục 5 khoản 1 Điều 8 Thông tư số 54/2018/TT- BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải.

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/5/2020.

TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
CÔNG TY HOA TIÊU HÀNG HẢI
KHU VỰC IX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

BIỂU GIÁ DỊCH VỤ HOA TIÊU HÀNG HẢI

(Ban hành kèm theo Văn bản số 148/TTr-CTHTHHKV IX ngày 24/4/2020 của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX)

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Biểu giá này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến giá dịch vụ hoa tiêu của công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX.

1. Đối tượng tính giá dịch vụ hàng hải đối với hoạt động hàng hải quốc tế, bao gồm:

a) Tàu thuyền xuất cảnh, nhập cảnh hoặc quá cảnh vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải; tàu thuyền nước ngoài vào hoạt động tại cảng biển Việt Nam;

b) Tàu thuyền hoạt động vận tải hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, quá cảnh tại khu vực hàng hải;

c) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, trung chuyển, được bốc dỡ, giao nhận, bảo quản, neo đậu tại khu vực hàng hải;

2. Đối tượng tính giá dịch vụ đối với hoạt động hàng hải nội địa, bao gồm:

a) Tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải;

b) Tàu thuyền vận tải hàng hóa, hành khách hoạt động hàng hải nội địa vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải;

c) Hàng hóa nội địa được bốc dỡ, giao nhận, bảo quản, neo đậu tại khu vực hàng hải;

d) Tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí hoạt động tại các cảng dầu khí ngoài khơi, cảng chuyên dùng phục vụ dầu khí trong khu vực trách nhiệm của cảng vụ hàng hải.

Điều 2. Vùng hoa tiêu hàng hải hoạt động của Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực IX

Vùng hoa tiêu hàng hải hoạt động của đơn vị là: Vùng 8 gồm 13 tuyến dẫn tàu thuộc khu vực các mỏ khai thác dầu khí trong vùng biển phía Nam của Việt Nam

1. Sư Tử Đen
2. Sư Tử Vàng
3. Hồng Ngọc
4. Rạng Đông
5. Bạch Hổ
6. Rồng
7. Đại Hùng
8. Rồng Đôi
9. Trường Sơn
10. Tê Giác Trắng
11. Chim Sáo
12. Biển Đông
13. Thăng Long – Đông Đô

Điều 3. Thời gian làm việc

- Giờ làm việc hành chính sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút vào các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần.

- Giờ trực ban hoa tiêu 24h/24h (kể cả ngày thứ bảy, Chủ nhật, Lễ, Tết).

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Biểu giá này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tàu thuyền là phương tiện hoạt động trên mặt nước hoặc dưới mặt nước bao gồm tàu, thuyền và các phương tiện khác có động cơ hoặc không có động cơ.

2. Tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí là tàu thuyền phục vụ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí hoặc thực hiện các hoạt động liên quan đến dịch vụ dầu khí.

3. Tàu lai là tàu được thiết kế, đăng kiểm và đăng ký hoạt động làm dịch vụ lai dắt, hỗ trợ tàu vào, rời cập cầu, bến, phao neo.

4. Tổng dung tích - Gross Tonnage (GT) là dung tích toàn phần lớn nhất của tàu thuyền được ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định.

5. Hàng hóa xuất khẩu là hàng hóa có nơi gửi hàng (gốc) ở Việt Nam và có nơi nhận hàng (đích) ở nước ngoài.

6. Hàng hóa nhập khẩu là hàng hóa có nơi gửi hàng (gốc) ở nước ngoài và nơi nhận hàng (đích) ở Việt Nam.

7. Hàng hóa trung chuyển là hàng hóa được vận chuyển từ nước ngoài đến cảng biển Việt Nam và đưa vào bảo quản tại khu vực trung chuyển của cảng biển trong một thời gian nhất định rồi xếp lên tàu thuyền khác để vận chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

8. Hàng hóa quá cảnh là hàng hóa có nơi gửi hàng (gốc) và nơi nhận hàng (đích) ở ngoài lãnh thổ Việt Nam đi thẳng hoặc được xếp dỡ qua cảng biển Việt Nam hoặc nhập kho, bãi để đi tiếp.

9. Lượt dẫn tàu được tính là việc hoa tiêu hàng hải dẫn tàu liên tục từ vị trí hoa tiêu lên tàu đến vị trí hoa tiêu rời tàu theo quy định.

10. Một chuyến được tính là tàu thuyền vào khu vực hàng hải 01 lượt và rời khu vực hàng hải 01 lượt.

11. Tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo bao gồm các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam được công bố theo quy định của pháp luật.

12. Khung giá dịch vụ tại cảng biển là các mức giá liên tục từ giá tối thiểu đến giá tối đa cho dịch vụ tại cảng biển.

Điều 5. Đơn vị tính giá dịch vụ và cách làm tròn

1. Tổng dung tích (GT) là một trong các đơn vị cơ sở để tính giá dịch vụ tại cảng biển.

2. Đối với tàu thuyền không ghi GT chọn phương thức quy đổi có dung tích GT lớn nhất, được quy đổi như sau:

a) Tàu biển và phương tiện thủy nội địa tự hành: 1,5 tấn trọng tải tính bằng 01 GT;

b) Sà lan: 01 tấn trọng tải toàn phần tính bằng 01 GT;

c) Tàu kéo, tàu đẩy, tàu chở khách (kể cả thủy phi cơ) và cẩu nổi: 01 mã lực (HP, CV) tính bằng 0,5 GT; 01 KW tính bằng 0,7 GT; 01 tấn sức nâng của cẩu đặt trên tàu thuyền tính bằng 06 GT;

d) Tàu thuyền chở khách không ghi công suất máy: 01 ghế ngồi dành cho hành khách tính bằng 0,67 GT; 01 giường nằm tính bằng 04 GT;

đ) Trường hợp tàu thuyền là đoàn lai kéo, lai đẩy hoặc lai cập mạn: tính bằng tổng dung tích của cả đoàn lai kéo, lai đẩy hoặc lai cập mạn, bao gồm: sà lan, đầu kéo hoặc đầu đẩy.

3. Đơn vị tính công suất máy: công suất máy chính của tàu thuyền được tính theo HP, CV hoặc KW; phần lẻ dưới 01 HP, 01 CV hoặc 01 KW tính tròn là 01 HP, 01 CV hoặc 01 KW.

4. Đơn vị thời gian:

a) Đối với đơn vị thời gian là ngày: 01 ngày tính là 24 giờ; phần lẻ của ngày từ 12 giờ trở xuống tính bằng 1/2 ngày, trên 12 giờ tính bằng 01 ngày;

b) Đối với đơn vị thời gian là giờ: 01 giờ tính bằng 60 phút; phần lẻ từ 30 phút trở xuống tính bằng 1/2 giờ, trên 30 phút tính bằng 01 giờ.

5. Đơn vị khối lượng hàng hóa (kể cả bao bì) là tấn hoặc mét khối (m^3); phần lẻ dưới 0,5 tấn hoặc 0,5 m^3không tính, từ 0,5 tấn hoặc 0,5 m^3 trở lên tính bằng 01 tấn hoặc 01 m^3. Trong một vận đơn lẻ, khối lượng tối thiểu để tính giá là 01 tấn hoặc 01 m^3. Với loại hàng hóa mỗi tấn chiếm từ 02 m^3 trở lên thì cứ 02 m^3 tính bằng 01 tấn.

6. Đơn vị khoảng cách tính giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải là hải lý (HL); phần lẻ dưới 01 HL tính bằng 01 HL.

7. Đơn vị tính giá dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo đối với tàu thuyền là mét (m) cầu, bến, phao neo; phần lẻ dưới 01 m tính bằng 01 m.

Điều 6. Đồng tiền thu giá dịch vụ

1. Đồng tiền tính giá dịch vụ là Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ đối với dịch vụ hoa tiêu cho tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế.

2. Đồng tiền tính giá dịch vụ là Đồng Việt Nam đối với dịch vụ hoa tiêu, cho tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa.

3. Trường hợp chuyển đổi từ Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Cơ sở xác định số tiền dịch vụ hoa tiêu hàng hải

1. Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải được tính theo từng lượt dẫn tàu, bằng tích số của giá dịch vụ tương ứng quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 8 biểu giá này với cự ly dẫn tàu với tổng dung tích của tàu thuyền; riêng đối với điểm 2, khoản 1 Điều 8 và điểm 1, khoản 1 Điều 9 thì được tính bằng tích số của giá dịch vụ tương đương với tổng dung tích của tàu thuyền.

2. Trường hợp giá dịch vụ hoa tiêu tính theo quy định tại khoản 1 Điều này thấp hơn giá tối thiểu cho 01 lượt dẫn tàu thì áp dụng bằng giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu quy định tại Điều 8, Điều 9 của biểu giá này.

3. Tổng dung tích (GT) là một trong các đơn vị cơ sở để tính giá dịch vụ hoa tiêu, trong đó:

a) Đối với tàu thuyền chở hàng lỏng: dung tích toàn phần tính bằng 85% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định, không phân biệt tàu có hay không có két nước dằn;

b) Đối với tàu thuyền chở khách: dung tích toàn phần tính bằng 50% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định.

Chương II: CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 8. Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa

1. Bảng giá dịch vụ:

TT	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá dịch vụ tương ứng
1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời, di chuyển trong khu vực cảng dầu khí ngoài khơi; giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu là 2.000.000 đồng/lượt dẫn tàu	Đồng/GT/HL	38,5
2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời, di chuyển trong khu vực dàn khoan dầu khí, cảng dầu khí ngoài khơi	Đồng/GT	165,00

(Các mức giá trên bảng giá dịch vụ đã bao gồm thuế GTGT 10%)

2. Các chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng:

2.1. Các trường hợp được ưu đãi, giảm giá (theo Công văn số 1298/CHHVN-VTDVHH ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Cục Hàng hải Việt Nam)..

- Đối tượng: Tàu thuyền mang quốc tịch Việt Nam hoạt động tuyến nội địa (bao gồm cả tàu biển và phương tiện VR-SB).

- Mức giảm giá dịch vụ: Giảm giá dịch vụ hoa tiêu đến mức giá tối thiểu trong khung giá dịch vụ quy định tại mục 5 khoản 1 Điều 8 Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải.

- Thời gian thực hiện giảm giá: 03 tháng từ ngày 01/5/2020 đến hết ngày 31/7/2020. Sau thời gian này áp dụng mức giá tối đa trong khung giá dịch vụ quy định tại mục 5 khoản 1 Điều 8 Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải.

2.2. Các trường hợp còn lại áp dụng mức giá tối đa trong khung giá dịch vụ quy định tại mục 5 khoản 1 Điều 8 Thông tư số 54/2018/TT- BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải.

3. Các quy định cụ thể:

a) Khi yêu cầu dịch vụ hoa tiêu hàng hải, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu tối thiểu là 06 giờ. Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến tối thiểu là 03 giờ;

b) Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi thì áp dụng mức giá bằng 22.000 đồng/người/giờ. Đối với trường hợp bao gồm cả phương tiện thì áp dụng mức giá bằng 220.000 đồng/người và phương tiện/giờ. Trường hợp hoa tiêu chưa xuất phát thì tính 01 giờ; hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát, thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu được tính tối thiểu là 01 giờ; hoa tiêu chỉ chờ đợi tại địa điểm đón tàu sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không quá 04 giờ, quá thời gian trên việc yêu cầu dịch vụ hoa tiêu coi như đã hủy bỏ và người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và trong khung giá quy định tại Điều này;

c) Trường hợp hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hoa tiêu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu thì người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và trong khung giá quy định tại Điều này;

d) Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, trường hợp thuyền trưởng yêu cầu hoa tiêu ở lại trên tàu thì tiền chờ đợi được tính theo số giờ giữ lại thực tế;

đ) Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc, thiết bị, hiệu chỉnh la bàn thì khung giá áp dụng bằng 110% khung giá quy định tại Điều này;

e) Chủ tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tàu/tháng thì từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, khung giá áp dụng bằng 80% khung giá quy định tại Điều này;

g) Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) chủ tàu phải trả chi phí phương tiện phát sinh cho việc đón trả hoa tiêu. Giá dịch vụ phương tiện đưa đón hoa tiêu không vượt quá 330.000 đồng/tàu/lượt;

h) Tàu thuyền đã đến vị trí chờ hoa tiêu theo đúng giờ đã yêu cầu được cảng vụ hàng hải tại khu vực và tổ chức hoa tiêu chấp thuận mà hoa tiêu chưa tới khiến tàu phải chờ đợi thì tổ chức hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi cho chủ tàu là 275.000 đồng/giờ, tính theo số giờ thực tế phải chờ đợi;

i) Trường hợp hoa tiêu đã đến vị trí đón hoa tiêu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải tại khu vực thì tổ chức hoa tiêu thu giá dịch vụ hoa tiêu bằng giá tối thiểu cho 01 tàu/lượt dẫn tàu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Giá dịch vụ hoa tiêu đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế

1. Bảng giá dịch vụ hoa tiêu đối với một số tuyến dẫn tàu cụ thể và một số loại tàu thuyền cụ thể được quy định như sau:

TT	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá dịch vụ tương ứng
1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời, di chuyển trong khu vực cảng dầu khí ngoài khơi hoặc di chuyển giữa các cảng dầu khí; giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu 200USD/lượt dẫn tàu	USD/GT	0,033

(Mức giá trên bảng giá dịch vụ đã bao gồm thuế GTGT 10%)

2. Các quy định cụ thể:

a) Khi yêu cầu dịch vụ hoa tiêu hàng hải, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu tối thiểu là 06 giờ; đối với cảng dầu khí ngoài khơi phải báo cho tổ chức hoa tiêu trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu tối thiểu là 24 giờ. Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến tối thiểu là 03 giờ; đối với cảng dầu khí ngoài khơi là 08 giờ;

b) Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, đối với cảng dầu khí ngoài khơi dưới 08 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi thì áp dụng mức giá bằng 11 USD/người/giờ. Đối với trường hợp bao gồm cả phương tiện thì áp dụng mức giá bằng 22 USD/người và phương tiện/giờ. Trường hợp hoa tiêu chưa xuất phát thì tính 01 giờ; hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát, thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu được tính tối thiểu là 01 giờ; hoa tiêu chỉ chờ đợi tại địa điểm đón tàu sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không quá 04 giờ, quá thời gian trên việc yêu cầu dịch vụ hoa tiêu coi như đã hủy bỏ và người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và mức giá quy định tại Điều này;

c) Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi và tiền chờ đợi được tính theo số giờ giữ lại thực tế;

d) Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc thiết bị, hiệu chỉnh la bàn thì khung giá áp dụng bằng 110% khung giá quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, theo cự ly dẫn tàu thực tế;

đ) Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật thì khung giá áp dụng bằng 150% khung giá quy định tại khoản 1 Điều này, theo cự ly dẫn tàu thực tế;

e) Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất (ngoài quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ khoản này) thì khung giá áp dụng bằng 110% khung giá quy định tại khoản 1 Điều này, theo cự ly dẫn tàu thực tế;

g) Trường hợp hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng có cảng vụ hàng hải khu vực xác nhận thì giá dịch vụ hoa tiêu bằng 330 USD/tàu/lượt dẫn;

h) Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu. Giá dịch vụ phương tiện đón trả hoa tiêu không quá 33 USD/tàu/lượt dẫn;

i) Tàu thuyền đã đến vị trí chờ hoa tiêu theo đúng giờ đã yêu cầu được cảng vụ hàng hải khu vực và tổ chức hoa tiêu chấp thuận mà hoa tiêu chưa tới, khiến tàu phải chờ đợi thì tổ chức hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi cho chủ tàu, tiền chờ đợi là 110 USD/giờ, tính theo số giờ thực tế phải chờ đợi;

k) Tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải nhiều hơn 03 chuyến/tháng/khu vực hàng hải, từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, khung giá áp dụng bằng 80% khung giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại khoản 1 Điều này nhưng không thấp hơn 330 USD;

l) Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng thì áp dụng theo khung giá dịch vụ hoa tiêu dịch chuyển trong cảng đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa theo quy định tại Điều 8 biểu giá này;

i) Tàu thuyền vào, rời khu vực hàng hải lấy nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, thay đổi thuyền viên, sửa chữa, phá dỡ hoặc chạy thử sau khi sửa chữa hoặc đóng mới mà không bốc dỡ hàng hóa, không đón, trả khách, khung giá áp dụng bằng 70% khung giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Chương III: THỦ TỤC HƯỚNG DẪN

Khách hàng là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có nhu cầu sử dụng dịch vụ hoa tiêu của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX trực tiếp hoặc thông qua đại lý, đại diện của mình liên hệ với:

Phòng Hoa tiêu – Kế hoạch Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực IX:

Địa chỉ: Số 279 đường 3/2, phường 11, thành phố Vũng Tàu

Điện thoại: + 0254 3527116; Fax: + 0254 3527 111

Email: offshore@pilotco9.com.vn

Khách hàng (đại lý) có nhu cầu sử dụng dịch vụ hoa tiêu của Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực IX tham khảo đặt hoa tiêu theo mẫu sau:

(ghi chú: Trường hợp khách hàng (đại lý) đặt hoa tiêu không theo mẫu này thì phải cung cấp đầy đủ các thông tin, các điều khoản như mẫu này).

CHỦ TÀU/ ĐẠI LÝ/ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ: (Số điện thoại/ fax):

SHIP'S OWNER/AGENTS/CONTACT (TELEPHONE/FAX):

GIẤY YÊU CẦU HOA TIÊU
PILOT BOOKING FORM

Nơi nhận: Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX
Recipient: THE NINTH ZONE MARITIME PILOTAGE SINGLE MEMBER COMPANY, Ltd.

1. Yêu cầu bố trí hoa tiêu dẫn tàu:
Please kindly arange pilot to guide the vessel:

Tên tàu: ..... Loại tàu: .....
Vessel's name: Vessel's type:

Quốc tịch: .....Hô hiệu: .....
Flag: Call Sign:

Chủ tàu hoặc người khai thác: Nước ngoài ☐ Việt Nam ☐
Ship's owner/Ship's operator: Foreign ship's owner/operator Vietnam

Cảng rời: .....Cảng đến: .....Cảng kế: .....
Last: Next port of call: Next port:

2. Thông số kỹ thuật tàu:
Ship's particular:

Tổng dung tích: ..... Trọng tải toàn phần: .....
Gross tonnage (GT): Dead weight (DWT):

Chiều dài toàn bộ: ..... Chiều rộng: .....
LOA: BEAM:

Mớn nước mũi/lái:.....Chiều cao tĩnh không: .....
Forward/ Aft draft: Air draft:.

Hàng hoá xuất/nhập khẩu trên tàu: Yes ☐ / No ☐
Import/Export cargo on board:

3. Loại hàng hóa: Crude Oil **Số lượng bốc dỡ: .....BBLS/MTS**
Type of cargo: **Quantity of cargo:**

4. Yêu cầu Hoa tiêu dẫn tàu: Từ: P/S mỏ.....đến: .....
Pilot on board to guide vessel: From: to:

5. Thời gian Hoa tiêu tập trung: .....tại: Cầu Đá /Sân bay/.....
Booking time is: at Cau Da Jetty/Airport/

Thời gian dự kiến đến khu vực đón trả hoa tiêu: .....
ETA at pilot Boarding Ground:
Thời gian yêu cầu hoa tiêu lên tàu: .....
Pilot boarding time required:
Đã được phép của Cảng vụ Hàng hải khu vực: Yes ☐ / No ☐
Having been authorized by Maritime Administration:

6. Điều khoản thanh toán:

Bên thanh toán (Bên sử dụng dịch vụ):

Tên đại lý/hãng tàu: .....

Agent/Ship's owner: .....

Địa chỉ/Address: .....

Mã số thuế/Tax's account: .....

Địa chỉ giao, nhận Hóa đơn/Address of delivery and receipt of invoices:

Thông tin viết Hóa đơn GTGT/VAT information:

Tên đại lý/hãng tàu: .....

Ship's agent/Ship's owner: .....

Địa chỉ/Address: .....

Mã số thuế/Tax's account: .....

Hình thức thanh toán/Payment method: Chuyển khoản hoặc Tiền mặt/Cash or Banking

Bên nhận thanh toán (Bên cung cấp dịch vụ)/Receiver:

Tên: Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX

Địa chỉ: Số 279 Đường 3/2, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điện thoại/Tel: 02543 527 116 - 118; Fax: 02543 527 111 - 121.

Mã số thuế: 3500997973

Số tài khoản/Account number: 100001116098 tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân chi nhánh Vũng Tàu.

....., ngày.....tháng.....năm.....
....., date.....month.....year.....

Chủ tàu/đại lý/ký tên/đóng dấu
Shipowner/agent/signature/starm

Ghi chú: *Giấy yêu cầu hoa tiêu là một phần trong nội dung hợp đồng cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải (Remark: This pilot booking form is a part in the content of contract for the supply of maritime pilot service)*